

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/2019/NQ-HĐND

Kon Tum, ngày 18 tháng 7 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị, chế độ đón tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

KHÓA XI KỲ HỌP THỨ 8

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ khoản 2 Điều 31, khoản 1, 2 Điều 33 Thông tư Số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước;

Xét Tờ trình số 47/TTr-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 21/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị, chế độ đón tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 của Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị, chế độ đón tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị, chế độ đón tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

b) Đối tượng áp dụng:

- Đối với chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị: Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Đối với chế độ đón tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước: Ủy ban nhân dân các cấp, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị xã hội, các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Kon Tum (*không bao gồm cơ quan, đơn vị Trung ương đóng chân trên địa bàn tỉnh Kon Tum*).”

2. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục số 02 tại khoản 2 như sau: Chi tiết tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện.

3. Trong quá trình thực hiện nếu các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Khóa XI Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 11 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 28 tháng 7 năm 2019./.

CHỦ TỊCH

Đã ký

Nguyễn Văn Hùng

PHỤ LỤC 02
MỨC CHI ĐÓN TIẾP KHÁCH NƯỚC NGOÀI,
CHI TỔ CHỨC CÁC HỘI NGHỊ, HỘI THẢO QUỐC TẾ VÀ
CHI TIẾP KHÁCH TRONG NƯỚC

(Kèm theo Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Nội dung chi	Mức chi
I	MỨC CHI ĐÓN TIẾP KHÁCH NƯỚC NGOÀI	
1	Chi đón, tiễn khách tại sân bay	500.000 đồng/người
	- Chi tặng hoa cho các đối tượng sau: + Trưởng đoàn và Phu nhân (Phu Quân) đối với khách hạng đặc biệt; + Tặng hoa trưởng đoàn khách hạng A, hạng B	500.000 đồng/người
	- Chi thuê phòng chờ tại sân bay áp dụng đối với khách hạng đặc biệt, khách hạng A, khách hạng B	Giá thuê phòng chờ thanh toán căn cứ theo hoá đơn hợp pháp, hợp lệ theo quy định của pháp luật.
2	Chi thuê xe ô tô đưa, đón khách	Giá thuê xe được thanh toán căn cứ vào hợp đồng thuê xe và hoá đơn hợp pháp, hợp lệ theo quy định của pháp luật
3	Chi thuê chỗ ở <i>(bao gồm cả ăn sáng)</i>	
	- Đoàn khách hạng A	
	+ Trưởng đoàn	4.000.000 đồng/người/ngày
	+ Phó đoàn	3.200.000 đồng/người/ngày
	+ Thành viên	2.500.000 đồng/người/ngày
	- Đoàn khách hạng B	
	+ Trưởng đoàn	3.200.000 đồng/người/ngày
	+ Phó đoàn	3.200.000 đồng/người/ngày
	+ Thành viên	2.000.000 đồng/người/ngày
	- Đoàn khách hạng C	
	+ Trưởng đoàn	1.800.000 đồng/người/ngày
	+ Thành viên	1.300.000 đồng/người/ngày
	- Khách mời quốc tế khác	600.000 đồng/người/ngày
4	Tiêu chuẩn ăn hàng ngày <i>(trưa và tối)</i>	
	- Đoàn khách hạng A	1.050.000 đồng/người/ngày
	- Đoàn khách hạng B	700.000 đồng/người/ngày

STT	Nội dung chi	Mức chi
	- Đoàn khách hạng C	560.000 đồng/người/ngày
	- Khách mời quốc tế khác	420.000 đồng/người/ngày
	Trong trường hợp cần thiết phải có cán bộ của cơ quan, đơn vị đón tiếp đi ăn cùng đoàn thì được tiêu chuẩn ăn như đối với đoàn viên của đoàn khách nước ngoài	
5	Tổ chức chiêu đãi (<i>tổ chức 01 lần</i>)	
	- Đoàn khách hạng A	1.050.000 đồng/người/ngày
	- Đoàn khách hạng B	700.000 đồng/người/ngày
	- Đoàn khách hạng C	560.000 đồng/người/ngày
	Đại biểu và phiên dịch phía Việt Nam tham gia tiếp khách được áp dụng mức chi chiêu đãi như thành viên của đoàn; Trong ngày tổ chức tiệc chiêu đãi, thì bữa trưa (hoặc tối) còn lại (nếu có) được thực hiện theo tiêu chuẩn bằng 50% tiêu chuẩn ăn hàng ngày	
6	Tiêu chuẩn tiếp xã giao và các buổi làm việc (đồ uống, hoa quả, bánh ngọt)	
	- Đoàn khách hạng A	150.000 đồng/người/01 buổi làm việc (nửa ngày)
	- Đoàn khách hạng B	80.000 đồng/người/01 buổi làm việc (nửa ngày)
	- Đoàn khách hạng C, khách quốc tế khác	60.000 đồng/người/01 buổi làm việc (nửa ngày)
7	Chi dịch thuật	
7.1	Trong trường hợp đi thuê phiên dịch	
	* Biên dịch	
	- Biên dịch một trong 6 ngôn ngữ chính thức của Liên hợp quốc sang tiếng Việt (gồm: tiếng Ả Rập, tiếng Hoa, tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga, tiếng Tây Ban Nha)	150.000 đồng/trang
	- Biên dịch Tiếng Việt sang một trong 6 ngôn ngữ chính thức của Liên hợp quốc	180.000 đồng/trang
	- Các ngôn ngữ ngoài ngôn ngữ chính thức của Liên hợp quốc	
	+ Dịch sang Tiếng Việt	195.000 đồng/trang
	+ Tiếng Việt dịch sang ngôn ngữ ngoài ngôn ngữ chính thức của Liên hợp quốc	234.000 đồng/trang
	* Dịch nói	

STT	Nội dung chi	Mức chi
	- Dịch nói thông thường	250.000 đồng/giờ/người
	- Dịch đuôi	500.000 đồng/giờ/người
7.2	Sử dụng cán bộ của cơ quan, đơn vị thực hiện	tính bằng 50% mức biên, phiên dịch thuê ngoài
8	Chi văn hoá, văn nghệ và tặng phẩm	
8.1	Chi văn hoá, văn nghệ	Theo giá vé tại rạp hoặc theo hợp đồng biểu diễn
8.2	Chi tặng phẩm	
	- Đoàn khách hạng A	
	+ Trưởng đoàn	1.300.000 đồng/người
	+ Phụ nhân (Phụ quân) của Trưởng đoàn (Trường hợp có đi cùng đoàn)	1.300.000 đồng/người
	+ Trường hợp đặc biệt theo yêu cầu đối ngoại hoặc theo thông lệ ngoại giao giữa hai nước, thủ trưởng cơ quan đón tiếp đoàn xem xét, quyết định việc tặng phẩm tặng thành viên chính thức và quan chức tùy từng trong kế hoạch, đề án đón đoàn	500.000 đồng/người
	- Đoàn khách hạng B	
	+ Trưởng đoàn	900.000 đồng/người
	+ Phụ nhân (Phụ quân) của Trưởng đoàn (Trường hợp có đi cùng đoàn)	900.000 đồng/người
	+ Trường hợp đặc biệt theo yêu cầu đối ngoại hoặc theo thông lệ ngoại giao giữa hai nước, thủ trưởng cơ quan đón tiếp đoàn xem xét, quyết định việc tặng phẩm tặng thành viên chính thức và quan chức tùy từng trong kế hoạch, đề án đón đoàn	500.000 đồng/người
9	Chế độ, tiêu chuẩn chi khi đưa đoàn khách nước ngoài đi công tác địa phương và cơ sở	
9.1	Trường hợp cần thiết phải đưa khách đi thăm, làm việc tại các địa phương hoặc cơ sở theo chương trình, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền quyết định thì tiêu chuẩn đón tiếp như sau:	
	- Cơ quan, đơn vị chủ trì đón tiếp khách chịu trách nhiệm:	
	+ Chi toàn bộ chi phí đưa đón khách từ nơi ở chính tới địa phương, cơ sở và chi phí ăn, nghỉ cho khách trong những ngày khách làm việc tại địa phương, cơ sở	Mức chi quy định tại mục 2,3,4 Phần I, Phụ lục 02 kèm theo Nghị Quyết này

STT	Nội dung chi	Mức chi
	+ Chi dịch nói (nếu có)	Mức chi quy định tại mục 7 Phần I, Phụ lục 02 kèm theo Nghị Quyết này
	- Cơ quan, đơn vị ở địa phương hoặc cơ sở nơi khách đến thăm và làm việc	
	+ Chi tiếp khách xã giao và các buổi làm việc	Mức chi quy định tại mục 6 Phần I, Phụ lục 02 kèm theo Nghị Quyết này
	+ Chi dịch nói (nếu có)	Mức chi quy định tại mục 7 Phần I, Phụ lục 02 kèm theo Nghị Quyết này
9.2	Chế độ đối với cán bộ phía Việt Nam được cử tham gia đoàn tháp tùng khách đi thăm và làm việc ở địa phương	Thực hiện chế độ công tác phí theo quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Hội Đồng nhân dân tỉnh Kon Tum
10	Chi đưa khách đi tham quan (chi đưa đón khách từ nơi ở chính đến điểm tham quan, chi ăn, nghỉ cho khách trong những ngày đi tham quan và được áp dụng cho cả cán bộ phía Việt Nam tham gia đưa đoàn đi tham quan)	Mức chi quy định tại mục 1,2,3,4 Phần I, Phụ lục 02 kèm theo Nghị Quyết này
11	Trách nhiệm chi tiếp khách trong trường hợp đoàn vào làm việc với nhiều cơ quan, đơn vị	
	- Trường hợp đoàn vào làm việc với nhiều cơ quan, đơn vị theo chương trình, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thì cơ quan, đơn vị chủ trì trong việc đón đoàn chịu trách nhiệm về chi phí đón, tiễn, tiền ăn, tiền thuê chỗ ở, đi lại của đoàn	Mức chi quy định tại mục 1,2,3,4,5 Phần I, Phụ lục 02 kèm theo Nghị Quyết này
	- Các cơ quan, đơn vị có kế hoạch, chương trình làm việc với đoàn sẽ chịu trách nhiệm chi phí tiếp đoàn trong thời gian đoàn làm việc với cơ quan, đơn vị mình theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Mức chi tiếp khách áp dụng theo quy định tại mục 6, 7 Phần I, Phụ lục 02 kèm theo Nghị Quyết này
II	CHẾ ĐỘ CHI HỘI NGHỊ QUỐC TẾ VÀ CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI CÁC ĐOÀN ĐÀM PHÁN	
1	Chế độ chi hội nghị quốc tế	

STT	Nội dung chi	Mức chi
1.1	Đối với khách mời là đại biểu quốc tế do phía Việt Nam đài thọ được áp dụng nội dung và mức chi quy định tại chương II Thông tư này.	Mức chi áp dụng theo quy định tại Phần I, Phụ lục 02 kèm theo Nghị Quyết này
1.2	Chi giải khát giữa giờ (áp dụng cho cả đại biểu và phiên dịch phía Việt Nam)	Mức chi áp dụng theo quy định tại mục 6 Phần I, Phụ lục 02 kèm theo Nghị Quyết này
1.3	Chế độ đối với cán bộ phía Việt Nam tham gia đón, tiếp khách quốc tế, phục vụ các hội nghị quốc tế	
	- Chi thuê phòng nghỉ, đi lại, phụ cấp lưu trú	Thực hiện chế độ công tác phí theo quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Hội Đồng nhân dân tỉnh Kon Tum
	- Chi làm thêm giờ (nếu có)	Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính
1.4	Đối với các khoản chi khác trực tiếp phục vụ hội nghị thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này và trong dự toán được người có thẩm quyền phê duyệt; cụ thể:	
	- Chi thù lao cho các diễn giả, học giả (nếu có):	
	+ Diễn giả, học giả, chuyên gia, cố vấn là người nước ngoài: Tùy theo mức độ cần thiết, thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức hội nghị quyết định việc mời diễn giả, học giả; thuê chuyên gia, cố vấn là người nước ngoài để phục vụ tổ chức hội nghị	Mức thù lao đối với diễn giả, học giả, chuyên gia, cố vấn là người nước ngoài do thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì hội nghị quyết định trên cơ sở thỏa thuận tùy theo tính chất, phạm vi công việc, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác đảm bảo phù hợp với khả năng nguồn kinh phí tổ chức hội nghị.
	+ Diễn giả, học giả, chuyên gia, cố vấn, người lao động là người Việt Nam	Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước. Mức chi thù lao cụ thể theo ngày đối với diễn giả, học giả, chuyên gia, cố vấn, người lao động là người Việt Nam do thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì

STT	Nội dung chi	Mức chi
		tổ chức hội nghị quyết định đảm bảo phù hợp với khả năng nguồn kinh phí tổ chức hội nghị.
	+ Chi dịch thuật:	Mức chi áp dụng theo quy định tại mục 7 Phần I, Phụ lục 02 kèm theo Nghị Quyết này
	+ Chi giấy bút, văn phòng phẩm, in ấn tài liệu, tuyên truyền, trang trí, thuê hội trường hoặc phòng họp, thuê thiết bị (nếu có), tiền làm cờ, phù hiệu hội nghị, chi thuê phiên dịch, bảo vệ, thuốc y tế, các khoản chi cần thiết khác	Thực hiện trên cơ sở hóa đơn, chứng từ hợp pháp, hợp lệ theo quy định của pháp luật và trong dự toán được người có thẩm quyền phê duyệt
2	Chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức Việt Nam tham gia đoàn đàm phán về công tác biên giới lãnh thổ; đàm phán gia nhập các Tổ chức Quốc tế; đàm phán ký kết các Hiệp định song phương, đa phương	
2.1	Đối với đoàn đàm phán tổ chức ở trong nước	
	- Tiêu chuẩn phòng nghỉ, Chế độ phụ cấp lưu trú, chế độ đi lại và các chi phí khác phục vụ đoàn đàm phán	Thực hiện chế độ công tác phí theo quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Hội Đồng nhân dân tỉnh Kon Tum và quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức đàm phán
	- Chi bồi dưỡng cho cán bộ tham gia đàm phán	200.000 đồng/người/buổi
2.2	Đối với đoàn đàm phán tổ chức ở nước ngoài	
	- Chi bồi dưỡng cho cán bộ tham gia đàm phán	150.000 đồng/người/buổi
	- Các chế độ khác đối với đoàn cán bộ Việt Nam tham gia đàm phán ở nước ngoài	Thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách Nhà nước bảo đảm kinh phí.
III	CHI TIẾP KHÁCH TRONG NƯỚC	
1	Chi nước uống khi khách đến làm việc tại cơ quan đơn vị	30.000 đồng/buổi (nửa ngày)/người

STT	Nội dung chi	Mức chi
2	Chi mời cơm	300.000 đồng/suất (đã bao gồm đồ uống)
3	<p>Đối tượng khách trong nước được mời cơm: (*)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khách thuộc các cơ quan Trung ương, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương - Khách là các lão thành cách mạng; Bà mẹ Việt Nam anh hùng; Người có công với nước; bà con người dân tộc ít người; già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo; các đối tượng chính sách khác. - Các tổ chức đến thăm, tìm hiểu, xúc tiến và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh; làm việc, trao đổi những vấn đề liên quan đến sự hợp tác thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. - Các tổ chức trong nước đến quan hệ giúp đỡ, ủng hộ làm công tác xã hội từ thiện, cứu nạn, cứu hộ... - Khách dự đại hội, hội nghị, hội thảo, tọa đàm, lễ mitting, kỷ niệm, tập huấn... do Trung ương, địa phương tổ chức theo phân cấp. - Các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh. - Ngoài các đối tượng khách nêu trên đối với một số trường hợp xét thấy cần thiết mời cơm, theo phân công quản lý thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương quyết định việc tiếp đón, mời cơm và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. 	
4	Chi phiên dịch tiếng dân tộc trong trường hợp tiếp khách dân tộc thiểu số (Trong trường hợp phải đi thuê phiên dịch (dịch nói) từ tiếng Việt sang tiếng dân tộc thiểu số và ngược lại)	Mức thuê phiên dịch áp dụng bằng mức thuê người dẫn đường kiêm phiên dịch tiếng dân tộc quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia.

* Giao Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định cụ thể đối tượng khách được mời cơm đối với từng loại hình cơ quan thuộc tỉnh, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, theo quy định.